越南台灣商會聯合總會
投資經營委員會



法規指南 BM-260101
Điểm tin Pháp luật
2026-01-12

標題 Tiêu đề	越南將自 2026 年 1 月 1 日起正式施行之重點新規定彙總 TỔNG HỢP NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI NỔI BẬT SẼ CHÍNH THỨC ÁP DỤNG TỪ 01/01/2026 TẠI VIỆT NAM
編撰 Người soạn	段晉達 律師 Luật sư Đoàn Tấn Đạt
涉及範圍 Phạm vi liên quan	2026 年新規、越南法規改革、最低薪資調升、個人資料保護法、資料治理、家庭扣除額提高、個人所得稅、取消牌照稅、環保稅減免、特別消費稅法、就業法、失業保險 Quy định mới 2026, Cải cách pháp luật Việt Nam, Tăng lương tối thiểu, Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân, Quản trị dữ liệu, Nâng mức giảm trừ gia cảnh, Thuế thu nhập cá nhân, Bãi bỏ thuế môn bài, Giảm thuế bảo vệ môi trường, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật Việc Làm, Bảo hiểm thất nghiệp

越南將自 2026 年 1 月 1 日起正式施行之重點新規定彙總
TỔNG HỢP NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI NỔI BẬT SẼ CHÍNH THỨC ÁP DỤNG TỪ 01/01/2026 TẠI VIỆT NAM

2026 年，越南將正式實施一系列具有突破性的全新規定，包括薪資、稅務及資料保護等領域。這些調整不僅旨在改善民生，同時亦促進更為透明且現代化的營商環境。以下為自 2026 年 1 月 1 日起生效之重要新規定重點彙整。

Năm 2026, Việt Nam chính thức áp dụng hàng loạt quy định mới mang tính đột phá trong các lĩnh vực: Tiền lương, Thuế và Bảo vệ dữ liệu. Những điều chỉnh này không chỉ nhằm cải thiện đời sống người dân mà còn thúc đẩy môi trường kinh doanh minh bạch, hiện đại hơn. Dưới đây là tổng hợp những quy định mới nổi bật nhất có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

1. 自 2026 年 1 月 1 日起調升區域最低薪資
Tăng lương tối thiểu vùng từ 01/01/2026

越南政府已頒布 第 293/2025/NĐ-CP 號議定，規定適用於依勞動合同工作的勞工之最低薪資標準，以取代第 74/2024/NĐ-CP 號議定，並自 2026 年 1 月 1 日 起生效。據此，適用於勞動合同制勞工的區域最低薪標準將平均上調 7%–7.2%，具體如下：

Chính Phủ đã ban hành Nghị định số 293/2025/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, thay thế Nghị định số 74/2024/NĐ-CP và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026. Theo đó, mức lương tối thiểu vùng áp dụng cho người lao động làm việc theo hợp đồng sẽ tăng trung bình từ 7–7,2% so với trước đó, cụ thể như sau:

區域一：每月 5,310,000 越盾，每小時 25,500 越盾（增加 350,000 越盾）。
Vùng I: 5.310.000 đồng/tháng và 25.500 đồng/giờ (tăng 350.000 đồng).

區域二：每月 4,730,000 越盾，每小時 22,700 越盾（增加 320,000 越盾）。
Vùng II: 4.730.000 đồng/tháng và 22.700 đồng/giờ (tăng 320.000 đồng).

區域三：每月 4,140,000 越盾，每小時 20,000 越盾（增加 280,000 越盾）。
Vùng III: 4.140.000 đồng/tháng và 20.000 đồng/giờ (tăng 280.000 đồng).

區域四：每月 3,700,000 越盾，每小時 17,800 越盾（增加 250,000 越盾）。
Vùng IV: 3.700.000 đồng/tháng và 17.800 đồng/giờ (tăng 250.000 đồng).

2.《2025 年個人資料保護法》自 2026 年 1 月 1 日起生效
Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025 có hiệu lực từ 01/01/2026.

《2025 年個人資料保護法》（第 91/2025/QH15 號法典）由國會於 2025 年 6 月 26 日通過，並自 2026 年 1 月 1 日起正式施行。

越南將自 2026 年 1 月 1 日起正式施行之重點新規定彙總
TỔNG HỢP NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI NỔI BẬT SẼ CHÍNH THỨC ÁP DỤNG TỪ 01/01/2026 TẠI VIỆT NAM

Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 (Luật số 91/2025/QH15) được Quốc hội thông qua ngày 26/6/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

依據該法規定，《2025 年個人資料保護法》對於資料治理及資訊安全提出了極高之要求，特別適用於招聘活動、勞動管理及資訊科技系統運營等相關領域。
Theo đó, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân 2025 đặt ra yêu cầu rất cao về quản trị dữ liệu và bảo mật thông tin, đặc biệt trong các hoạt động tuyển dụng, quản lý lao động và vận hành hệ thống công nghệ thông tin.

企業僅得要求應徵者提供與招聘目的相關之資訊，並須依法處理且取得應徵者之同意。如最終未予錄用，企業應刪除或銷毀應徵者之個人資料，除非另有約定。於勞動契約終止時，企業亦須刪除或銷毀勞工之個人資料，除法律規定或另有約定的情況外，例如需留存保險或稅務相關資料。於將科技應用於勞動管理時， GPS、監視攝影機、出勤管理軟體等措施，僅得於勞工明確知情並同意之情況下使用；透過前述工具所蒐集之資料，未經勞工同意，不得用於其他目的。
Doanh nghiệp chỉ được yêu cầu ứng viên cung cấp thông tin phục vụ mục đích tuyển dụng, phải xử lý theo đúng quy định và có sự đồng ý của người dự tuyển. Trường hợp không tuyển dụng, doanh nghiệp phải xóa, hủy thông tin của ứng viên, trừ khi có thỏa thuận khác. Khi chấm dứt hợp đồng lao động, doanh nghiệp cũng phải xóa, hủy dữ liệu cá nhân của người lao động, trừ trường hợp pháp luật hoặc thỏa thuận quy định khác, như lưu trữ hồ sơ bảo hiểm hoặc thuế. Trong ứng dụng công nghệ vào quản lý lao động, các biện pháp như GPS, camera, phần mềm chấm công chỉ được sử dụng khi người lao động biết rõ và đồng ý; dữ liệu thu thập từ các công cụ này không được sử dụng cho mục đích khác nếu không có sự đồng ý của người lao động.

3.自 2026 年 1 月 1 日起，將家庭扣除額提高至每月 1,550 萬越盾
Nâng mức giảm trừ gia cảnh lên 15,5 triệu đồng/tháng từ 01/01/2026

自 2026 年 1 月 1 日起，依據 第 110/2025/UBTVQH15 號決議，個人所得稅計算中的家庭扣除額將大幅調升，具體如下：
Từ ngày 01/01/2026, theo Nghị quyết 110/2025/UBTVQH15, mức giảm trừ gia cảnh trong tính thuế thu nhập cá nhân sẽ được điều chỉnh tăng đáng kể. Cụ thể:

- 納稅人本人之扣除額： 每月 15.500.000 越盾，每年 186.000.000 越盾（現行標準為每月 11.000.000 越盾，每年 132.000.000 越盾）。
Mức giảm trừ đối với đối tượng nộp thuế là 15,5 triệu đồng/tháng, 186 triệu đồng/năm (Hiện hành, đang là 11 triệu đồng/tháng, 132 triệu đồng/năm).

- 每名受扶養人之扣除額：每月 6.200.000 越盾（現行標準為每月 4.400.000 越盾）。
Mức giảm trừ đối với mỗi người phụ thuộc là 6,2 triệu đồng/tháng (Hiện hành, đang là 4,4 triệu đồng/tháng).

4. 自 2026 年 1 月 1 日起取消牌照稅
Bãi bỏ thuế môn bài cho doanh nghiệp từ 01/01/2026

依據國會於 2025 年 5 月 17 日通過、並自 2026 年 1 月 1 日起生效之第 198/2025/QH15 號決議，越南將正式停止對企業徵收牌照稅。此為促進民營經濟發展、改善經營環境及協助企業克服困難之重要政策之一。
Theo Nghị quyết 198/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 17/5/2025 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, Việt Nam sẽ chính thức chấm dứt việc thu lệ phí môn bài đối với doanh nghiệp. Đây là một trong những chính sách trọng tâm nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân, cải thiện môi trường kinh doanh và hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

取消牌照稅可協助企業節省每年之固定成本，對於中小企業、微型企業及新設企業尤具重大意義。此前，牌照稅之徵收金額依註冊資本或營收規模而定，每年約 100 萬至 300 萬越盾，於企業營運初期對多數單位造成相當之財務壓力。
Việc bãi bỏ thuế môn bài giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí cố định hàng năm, đặc biệt có ý nghĩa đối với các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và mới thành lập. Trước đây, mức thu lệ phí môn bài dao động từ 1 đến 3 triệu đồng/năm tùy theo vốn điều lệ hoặc doanh thu, gây áp lực tài chính không nhỏ cho nhiều đơn vị trong giai đoạn đầu hoạt động.

5. 2026 年全年持續適用汽油、油品及潤滑油之環保稅減免措施
Tiếp tục áp dụng mức giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong suốt năm 2026

依據國會常務委員會於 2025 年 10 月 17 日通過，並自 2026 年 1 月 1 日起生效之第 109/2025/UBTVQH15 號決議，越南將於 2026 年全年持續適用汽油、油品及潤滑油之環保稅減免措施。
Nghị quyết số 109/2025/UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua vào ngày 17/10/2025 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026, theo đó Việt Nam tiếp tục áp dụng mức giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng, dầu, mỡ nhờn trong suốt năm 2026.

具體，自 2026 年 1 月 1 日至 2026 年 12 月 31 日適用之稅率如下：
Cụ thể, mức thuế áp dụng từ ngày 01/01/2026 đến hết ngày 31/12/2026 như sau:

- 汽油（不含乙醇）： 每公升 2,000 越盾。
  Xăng (trừ etanol): 2.000 đồng/lít.
- 柴油、重油、潤滑油： 每公升 1,000 越盾。
  Dầu diesel, dầu mazut, dầu nhờn: 1.000 đồng/lít.
- 潤滑脂： 每公斤 1,000 越盾。
  Mỡ nhờn: 1.000 đồng/kg.
- 航空燃油： 每公升 1,500 越盾（較 2025 年增加 500 越盾，但仍較上限稅率減少 50%）。
  Nhiên liệu bay: 1.500 đồng/lít (tăng 500 đồng so với năm 2025 nhưng vẫn giảm 50% so với mức trần).
- 煤油： 每公升 600 越盾。
  Dầu hỏa: 600 đồng/lít.

自 2027 年 1 月 1 日起，上述產品之環保稅稅率預計將恢復至第 579/2018/UBTVQH14 號決議所規定之上限稅率（例如：汽油將調升至每公升 4,000 越盾）。
Từ ngày 01/01/2027, mức thuế bảo vệ môi trường đối với các mặt hàng nêu trên dự kiến sẽ quay trở lại mức trần quy định tại Nghị quyết số 579/2018/UBTVQH14 (ví dụ: xăng sẽ tăng lên 4.000 đồng/lít).

6.《2025 年特別消費稅法》自 2026 年 1 月 1 日起生效
Luật thuế tiêu thụ đặc biệt năm 2025 có hiệu lực từ 01/01/2026

《2025 年特別消費稅法》（第 66/2025/QH15 號法律）已於 2025 年 6 月 14 日 經國會通過，並將自 2026 年 1 月 1 日 起正式施行。
Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2025 (Luật số 66/2025/QH15) được Quốc hội thông qua vào 14/6/2025 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

《2025 年特別消費稅法》之若干重要新規定重點如下：
Một số điểm mới nổi bật của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt 2025:

- 對符合越南國家標準、含糖量超過 5g/100ml 的含糖飲料課徵特別消費稅。
  Áp thuế tiêu thụ đặc biệt với nước giải khát theo Tiêu chuẩn Việt Nam có hàm lượng đường trên 5g/100ml.

- 新增若干不適用特別消費稅之對象，例如：由組織、個人委託加工並直接出口至國外之貨物；已出口至國外但遭外方退回、於進口時屬於不課稅對象之貨物；未辦理上牌、不參與一般交通、僅於歷史遺址、醫院、學校內行駛之汽車及政府規定之其他專用車輛；用於醫療急救、救援、搜救及農業生產之飛機、直升機與滑翔機。
  Bổ sung một số đối tượng không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như: Hàng hóa do tổ chức, cá nhân thuê gia công để trực tiếp xuất khẩu ra nước ngoài; Hàng hóa đã xuất khẩu ra nước ngoài bị phía nước ngoài trả lại khi nhập khẩu vào đối tượng không chịu thuế; Xe ô tô không đăng ký lưu hành, không tham gia giao thông và chỉ chạy trong khu di tích lịch sử, bệnh viện, trường học và xe chuyên dụng khác theo quy định của Chính phủ; Máy bay, trực thăng, tàu lượn sử dụng cho mục đích cứu thương, cứu hộ, cứu nạn, sản xuất nông nghiệp.

- 新增採用絕對計稅方法：採用絕對計稅方法計算特別消費稅的依據是應稅貨物的數量和絕對稅率。
  Bổ sung phương pháp tính thuế tuyệt đối. Theo đó, căn cứ tính thuế tiêu thụ đặc biệt áp dụng phương pháp tính thuế tuyệt đối là lượng hàng hóa chịu thuế và mức thuế tuyệt đối.

- 依 2027－2031 年路線圖，對菸品採用絕對稅。
  Áp thuế tuyệt đối cho thuốc lá theo lộ trình 2027 – 2031.

- 依 2026－2031 年路線圖，提高酒類、啤酒及含糖飲料之稅率。
  Tăng thuế suất rượu, bia, nước giải khát theo lộ trình 2026 – 2031.

- 強化特別消費稅之退稅與抵扣規定：對於企業一併、合併、分拆或解散之情形，如相關稅額已列入成本或已先行抵扣者，不予退還特別消費稅。
  Siết chặt quy định về hoàn, khấu trừ thuế tiêu thụ đặc biệt. Theo đó, không hoàn thuế tiêu thụ đặc biệt cho các trường hợp doanh nghiệp sáp nhập, hợp nhất, chia tách hoặc giải thể nếu số thuế đó đã được tính vào chi phí hoặc đã khấu trừ trước đó.

7.《2025 年就業法》自 2026 年 1 月 1 日起生效
Luật Việc Làm năm 2025 có hiệu lực từ 01/01/2026

國會於於 2025 年 6 月 16 日通過《2025 年就業法》（第 74/2025/QH15 號法典），並將自 2026 年 1 月 1 日起正式施行。
Luật Việc Làm 2025 (Luật số 74/2025/QH15) được Quốc hội thông qua vào 16/6/2025 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

《2025 年就業法》之若干重要新規定重點如下：

越南將自 2026 年 1 月 1 日起正式施行之重點新規定彙總
TỔNG HỢP NHỮNG QUY ĐỊNH MỚI NỔI BẬT SẼ CHÍNH THỨC ÁP DỤNG TỪ 01/01/2026 TẠI VIỆT NAM

Một số điểm mới nổi bật của Luật Việc Làm 2025:

- 擴大失業保險之參加對象。自 2026 年 1 月 1 日起，依法律規定之企業管理人、監察人、企業出資代表；股份公司之董事會成員、總經理、經理、監事會成員或監察人；以及依《合作社法》的合作社、合作社聯合社中經選舉產生且領取薪資之其他管理職務人員，將屬於參加失業保險對象。

  Mở rộng đối tượng tham gia BHTN. Theo đó, "Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã có hưởng tiền lương" sẽ thuộc đối tượng tham gia BHTN từ ngày 01/01/2026.

- 失業保險之繳費標準採用彈性機制： 用人單位最多繳納月薪基金的 1%，勞工最多繳納其月薪的 1%。政府有權依失業保險基金之結餘情況，調整實際適用之繳納比例。

  Mức đóng BHTN được quy định theo cơ chế linh hoạt: Người sử dụng lao động đóng tối đa 1% quỹ tiền lương tháng, Người lao động đóng tối đa 1% tiền lương tháng. Chính phủ có quyền điều chỉnh mức đóng cụ thể tùy theo tình hình kết dư của Quỹ BHTN.

- 降低殘疾人士的失業保險繳款：用人單位可在殘疾勞工新就業後的 12 個月內降低其失業保險繳款。

  Giảm tiền đóng BHTN cho đối tượng người khuyết tật: Người sử dụng lao động được giảm tiền đóng BHTN cho đối tượng lao động khuyết tật trong thời gian không quá 12 tháng khi tuyển mới.

- 明確規定用人單位繳納失業保險之責任及遲繳／逃繳之處罰措施：用人單位有責任足額繳納失業保險。如有遲延繳納、逃避繳納失業保險之行為，則需繳納遲繳、逃繳之失業保險金額的 0.03%之罰款。如用人單位未為勞工足額繳納失業保險，則須向勞工支付相當於依法可享有之失業保險給付金額之補償。

  Quy định rõ trách nhiệm đóng BHTN của Người sử dụng lao động, chế tài xử lý khi có hành vi chậm/trốn đóng BHTN: Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ BHTN. Nếu có hành vi chậm đóng, trốn đóng BHTN sẽ phải nộp thêm một khoản tiền phạt bằng 0,03% tính trên số tiền BHTN chậm đóng hoặc trốn đóng. Trường hợp người sử dụng lao động không đóng đủ BHTN cho người lao động thì phải trả khoản tiền tương ứng với các chế độ BHTN mà người lao động được hưởng theo quy định của pháp luật.



聯絡方式 / Liên lạc chúng tôi

越南台灣商會聯合總會

投資經營委員會　孔祥平主委

☎M +84 907 216 188

☎T +84 28 3975 6888

☎F +84 28 3860 3999

✉ business@everwin-group.com

www.everwin-group.com